

BIỂU MẪU CÔNG KHAI

(Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính)

Biểu số 15**Đơn vị: Trường THCS Cửu Long****Chương: 622****QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC năm 2023***(Kèm theo Quyết định số 84/QĐ-CL ngày 21, tháng 05, năm 2024)*

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	ĐV tính: Triệu đồng		
				Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	4,782.752	4,782.752			
1	Số thu phí, lệ phí	1,882.986	1,882.986			
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
	Thu học phí	1,882.986	1,882.986			
2	Thu hoạt động cung ứng dịch vụ	2,899.766	2,899.766			
1	Học phí buổi thứ 2	601.870	601.870			
2	Thiết bị, vật dụng phục vụ BT	75.215	75.215			
3	Tổ chức phục vụ và quản lý BT	206.429	206.429			
4	Vi Tính	141.970	141.970			
5	Vệ sinh bán trú	33.318	33.318			
6	Anh văn người nước ngoài	538.675	538.675			
7	Kỹ năng sống	478.694	478.694			
8	IDTI tự chọn (Vô, Cau long, Bong rổ)	285.175	285.175			
9	Lab	91.548	91.548			
10	Thu cho thuê mặt bằng	40.000	40.000			
11	Lãi ngân hàng	4.675	4.675			
12	Thù lao thu BHYT	6.373	6.373			
13	Khác	6.162	6.162			
14	Tiền tổ chức phục vụ, quản lý và vệ sinh phí bán trú	167.646	167.646			
15	Tiền tổ chức các lớp học theo Đề án “nâng cao năng lực kiến thức, kỹ năng ứng dụng Tin học cho HS	68.976	68.976			
16	Tiền tổ chức giáo dục Stem	153.040	153.040			
3	Hoạt động sự nghiệp khác	1,754.95	1,754.95			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8,563.851	8,563.851			
A	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4,248.62	4,248.62			
6001	Lương theo ngạch, bậc	2,223.544	2,223.544			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
6101	Phụ cấp chức vụ	26.820	26.820			
6105	Phụ cấp làm đêm; làm thêm giờ	114.162	114.162			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	638.993	638.993			
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	28.163	28.163			
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	238.185	238.185			
6301	Bảo hiểm xã hội	415.159	415.159			
6302	Bảo hiểm y tế	73.263	73.263			
6303	Kinh phí công đoàn	44.864	44.864			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	24.421	24.421			
6349	Các khoản đóng góp khác	12.211	12.211			
6449	Chi khác	29.950	29.950			
6501	Tiền điện	61.708	61.708			
6502	Tiền nước	12.157	12.157			
6504	Thanh toán vệ sinh môi trường	7.675	7.675			
6551	Văn phòng phẩm	11.047	11.047			
6552	Mua sắm công cụ dụng cụ	21.769	21.769			
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax	0.268	0.268			
6757	Thuê lao động trong nước	54.117	54.117			
6758	Thuê đào tạo lại cán bộ	14.000	14.000			
6905	Tài sản và thiết bị chuyên dùng	6.624	6.624			
6907	Nhà cửa	4.806	4.806			
6949	Chi khác	3.117	3.117			
7001	Chi mua hàng hoá, vật tư	35.650	35.650			
7004	Đông phục, trang phục, bao hộ lao động	6.900	6.900			
7049	Chi khác	13.600	13.600			
7954	Chi lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	60.549	60.549			
7952	Chi lập Quỹ phúc lợi	64.900	64.900			
B	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương	2,590.675	2,590.675			
6001	Lương theo ngạch, bậc	129.027	129.027			
6101	Phụ cấp chức vụ	1.505	1.505			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	34.685	34.685			

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	0.370	0.370			
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	14.307	14.307			
6301	Bảo hiểm xã hội	38.097	38.097			
6302	Bảo hiểm y tế	6.723	6.723			
6303	Kinh phí công đoàn	4.692	4.692			
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	2.241	2.241			
6349	Các khoản đóng góp khác	1.120	1.120			
6449	Chi khác	2,357.908	2,357.908			
C	Kinh phí thực hiện không thường xuyên	1,724.554	1,724.554			
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	113.344	113.344			
6449	Chi khác	72.000	72.000			
6199	Các khoản hỗ trợ khác	1,506.450	1,506.450			
6156	Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí	7.560	7.560			
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	25.200	25.200			